

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số**  
**năm học 2024-2025**

Thực hiện Kế hoạch số 1115/KH-SGDĐT ngày 15/09/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2024-2025;

Căn cứ tình hình thực tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”<sup>(1)</sup> và Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025”<sup>(2)</sup>; tiếp tục triển khai mở rộng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo, kết nối với các cơ sở dữ liệu GDĐT nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và bộ phận một cửa, một cửa liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; triển khai học bạ số, xây dựng cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ hướng đến văn bằng số, chứng chỉ số.

- Tăng cường các nguồn lực của nhà nước và xã hội, nâng cao chất lượng nhân lực, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị, dạy, học và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, kiểm tra, đánh giá trong giáo dục; xây dựng bài giảng điện tử, học liệu số; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi kiểm tra cho các môn học; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động dạy, học và quản lý giáo dục đi cùng với phát triển các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường học tập số; nâng cao năng lực số cho người học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

- Tiếp tục thực hiện việc kiểm tra, đánh giá mức chuyển đổi số trong các đơn vị. Trong quá trình tự đánh giá, thực hiện thu thập, lập danh mục minh chứng theo các tiêu chí của Bộ chỉ số.

<sup>(1)</sup> Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

<sup>(2)</sup> Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

## II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

### 1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung như sau:

a) Duy trì và sử dụng tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS) trong kết nối giữa nhà trường, giáo viên với học sinh (và phụ huynh) và tổ chức các hoạt động giáo dục; đảm bảo tích hợp, kết nối, trao đổi dữ liệu giữa các phần mềm dạy học trực tuyến với phần mềm quản trị ở cơ sở giáo dục.

b) Tăng cường xây dựng học liệu số (bao gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học); đóng góp học liệu và khai thác sử dụng hiệu quả Kho học liệu dùng chung của Bộ GDĐT trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá<sup>(3)</sup>. Tích cực sử dụng các phần mềm chuyên môn hỗ trợ dạy-học: phần mềm soạn bài giảng điện tử, phần mềm quản lý ngân hàng đề thi, phần mềm thi phòng máy tính, phần mềm quản lý hồ sơ chuyên môn, phần mềm quản lý dinh dưỡng,...

c) Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến đảm bảo tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến<sup>(4)</sup> đạt trung bình tối thiểu 10% ở bậc trung học phù hợp với điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục phổ thông; thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính (sử dụng các phần mềm tổ chức thi phòng máy) cho các trường đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất.

d) Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến.

đ) Rà soát, đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy tính đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học; mua sắm thiết bị phòng học thông minh phục vụ xây dựng học liệu số và dạy học trực tuyến; mua sắm các phần mềm chuyên môn phục vụ công tác quản lý, nâng cao chất lượng dạy và học;

e) Đẩy mạnh triển khai hệ thống phần mềm quản lý Thư viện điện tử tích hợp kho học liệu số (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên; thúc đẩy văn hóa đọc, tạo thói quen đọc sách phù hợp đối với giáo viên, học sinh trong nhà trường. Phần mềm thư viện điện tử được xây dựng dựa trên các chuẩn chung theo hướng dẫn của

<sup>(3)</sup> <https://igiaoduc.vn> hoặc <https://www.youtube.com/@igiaoduc>.

<sup>(4)</sup> Thực hiện theo văn bản hướng dẫn số 2688/SGDĐT-GDTrH ngày 05/9/2024 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức, quản lý dạy học trực tuyến từ năm học 2024-2025.

Thông tư 16/2022/TTBGDDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ GDĐT; có chức năng liên thông thư viện để trao đổi, chia sẻ tài liệu, tích hợp với hệ thống CSDL ngành GDĐT để chia sẻ các dữ liệu thống kê, báo cáo phục vụ công tác quản lý.

f) Đẩy mạnh triển khai phần mềm Quản lý hồ sơ sổ sách điện tử tích hợp chữ ký số hỗ trợ lưu trữ hồ sơ sổ sách điện tử, hồ sơ giấy sau khi số hóa hàng năm sắp xếp khoa học, hỗ trợ công tác truy xuất, tìm kiếm dễ dàng, tiện dụng; Hỗ trợ cán bộ quản lý trong việc ký số các loại hồ sơ, văn bản ngay trên phần mềm, giáo viên trình ký trực tuyến thuận tiện giảm thiểu thời gian, công sức và chi phí, phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và học tập trong nhà trường đảm bảo chất lượng, tránh được nguy cơ mất mát, hư hỏng bởi các lý do không mong muốn từ hồ sơ giấy. Phần mềm được tích hợp với phần mềm Công kiểm định chất lượng giáo dục trong việc truy xuất minh chứng, hỗ trợ Phòng GDĐT quản lý hồ sơ điện tử, chứng thư số và ký duyệt hồ sơ của trường gửi lên.

g) Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường.

h) Triển khai phòng học thông minh tại các trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, THCS thị trấn Cát Bà, Tiểu học Đoàn Đức Thái, THCS thị trấn Cát Hải.

## **2. Chuyển đổi số trong quản trị trường học và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục**

a) Đảm bảo 100% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông sử dụng các phân hệ: quản lý người học (hồ sơ, kết quả quá trình học tập, rèn luyện, học bạ, sức khỏe), quản lý đội ngũ, quản lý cơ sở vật chất (trong đó có danh mục thiết bị dạy học tối thiểu, nhà công vụ cho giáo viên, phòng học, nước sạch, công trình vệ sinh), y tế học đường, tài chính (thanh toán không dùng tiền mặt) trên Hệ thống CSDL ngành <http://csdl.haiphong.edu.vn>.

b) Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử gồm: Sổ điểm, học bạ, hồ sơ chuyên môn, áp dụng chữ ký số trong quản lý sổ điểm, học bạ và hồ sơ chuyên môn; ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với cơ sở giáo dục trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website giáo dục.

c) Tiếp tục triển khai, rà soát<sup>(5)</sup> cung cấp chữ ký số cá nhân cho 100% cán bộ, giáo viên phục vụ việc CDS trong quản lý hồ sơ, sổ sách chuyên môn tích hợp chữ ký số cá nhân trong các trường học, tiến tới mục tiêu quản lý chuyên môn không giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý của đơn vị.

d) Triển khai mở rộng, thực hiện ký số văn bản trên hệ thống quản lý hành chính điện tử (HPNET-eOffice), liên thông trao đổi văn bản điện tử giữa tất cả các cơ sở giáo dục với các cơ quan quản lý giáo dục và cơ quan quản lý ở địa phương.

e) Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

---

<sup>(5)</sup> Cấp mới cho giáo viên mới và thu hồi các tài khoản đối với giáo viên đã nghỉ hưu

- Tiếp tục triển khai mở rộng CSDL ngành GDĐT thành phố, kết nối với các cơ sở dữ liệu ngành giáo dục (cơ sở dữ liệu về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, cơ sở vật chất và chuyên đổi số), cơ sở dữ liệu dân cư nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả công tác quản lý giáo dục.

- Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục (tại địa chỉ <https://csdl.haiphong.edu.vn>) bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác<sup>(6)</sup>, kịp thời theo yêu cầu của Bộ GDĐT; cập nhật đầy đủ số định danh cá nhân của giáo viên và người học; cập nhật đầy đủ kết quả học tập của người học trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục theo từng kỳ học; đặc biệt, hoàn thiện đầy đủ thông tin của học sinh phục vụ tuyển sinh đầu cấp (các lớp mầm non, lớp 1, lớp 6). Đảm bảo 100% thông tin định danh cá nhân của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được cập nhật đầy đủ, chính xác và xác thực định danh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGvDC).

- Triển khai hệ thống thông tin phổ cập giáo dục xóa mù chữ<sup>(7)</sup> trên cơ sở kết nối và kế thừa dữ liệu sẵn có từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

- Tăng cường ứng dụng phương thức họp trực tuyến để tổ chức hội nghị, hội thảo qua mạng và tổ chức sinh hoạt chuyên môn thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nói riêng; tiếp tục triển khai hiệu quả hội nghị trực tuyến giữa Sở GDĐT, Phòng GDĐT với các trường học.

### **3. Công tác thống kê giáo dục**

Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông (kỳ đầu năm học, kỳ giữa năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục<sup>(8)</sup>, quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT<sup>(9)</sup> và báo cáo đột xuất theo yêu cầu các cấp.

### **4. Triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt**

a) Dịch vụ đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông trực tuyến; Dịch vụ đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non trên Cổng dịch vụ công quốc gia mức độ toàn trình.

b) Dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học; Dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ, hướng tới triển khai ở mức độ toàn trình.

<sup>(6)</sup> Dữ liệu đáp ứng tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống”.

<sup>(7)</sup> Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT Quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục xóa mù chữ.

<sup>(8)</sup> Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ GDĐT ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục.

<sup>(9)</sup> Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 của Bộ GDĐT quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT.

c) Tập trung triển khai 03 nhóm dịch vụ công trực tuyến, toàn trình liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 206/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ<sup>(10)</sup>.

d) Thực hiện 100% cơ sở giáo dục áp dụng giải pháp thanh toán học phí và các khoản thu bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt trong đó có Nền tảng thanh toán trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu với CSDL ngành.

### **5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số phục vụ chuyển đổi số**

a) Tham gia các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và CDS cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và CDS trong nhà trường.

b) Rà soát, kiện toàn và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT, CDS và làm công tác thông kê tại nhà trường.

### **6. Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và CDS trong GDĐT**

a) Rà soát có kế hoạch bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet tới các cơ sở giáo dục.

b) Đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân.

## **IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN**

### **1. Kiện toàn tổ chức, bộ phận phụ trách CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn lực**

- Đối với phòng GDĐT: Phân công 01 lãnh đạo/chuyên viên làm đầu mối để theo dõi triển khai nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục.

- Đối với cơ sở giáo dục: Phân công 01 lãnh đạo nhà trường phụ trách và 01 cán bộ có kỹ năng tốt về CNTT, CDS làm đầu mối triển khai nhiệm vụ.

**2. Triển khai hiệu quả việc đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.**

**3. Tăng cường công tác thể chế:** Các đơn vị rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT (trang thông tin

<sup>(10)</sup> Quyết định số 2065/QĐ-TTg ngày 28/2/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2024.

điện tử, cơ sở dữ liệu ngành,...); phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định; đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu.

#### **4. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng CNTT, CDS giáo dục**

a) Rà soát và tham mưu các cấp chính quyền về mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị, các phần mềm chuyên dùng đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục; đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet không dây trong các cơ sở giáo dục.

b) Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

**5.** Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và đội ngũ nhà giáo về vai trò và kết quả của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

**6.** Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá việc chuẩn bị các điều kiện đảm bảo về nhân lực, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị và việc triển khai ứng dụng CNTT, CDS, công tác thống kê trong giáo dục; tổ chức đánh giá, tự đánh giá, công bố chỉ số CDS đối với cơ sở giáo dục.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

- Phân công 01 lãnh đạo và 01 chuyên viên phụ trách việc triển khai ứng dụng CNTT, CDS của toàn ngành.

- Xây dựng kế hoạch, văn bản hướng dẫn và triển khai tới các đơn vị trường học về ứng dụng CNTT, CDS.

- Triển khai việc đánh giá mức CDS của các cơ sở giáo dục theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT. Công bố mức độ CDS của các đơn vị trên cổng thông tin của đơn vị và gửi báo cáo về Sở GDĐT trước ngày 25/5/2025.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ về công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo, ủy ban nhân dân huyện.

- Công tác kiểm tra, đánh giá:

+ Chuyên viên phụ trách: thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các trường trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CNTT, hàng tháng báo cáo lãnh đạo phụ trách để có những chỉ đạo sát hơn; cuối năm tổ chức chấm tiêu chí CNTT của các trường.

+ Các chuyên viên khác: theo nhiệm vụ được phân công kiểm tra, đôn đốc các trường đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT vào quản lý, giảng dạy; cuối năm phối hợp với chuyên viên phụ trách chấm tiêu chí CNTT của các trường.

- Báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình ứng dụng CNTT, CDS gửi Sở Giáo dục và Đào tạo, ủy ban nhân dân huyện.

## **2. Các trường Mầm non, Tiểu học, TH và THCS, Trung học cơ sở**

- Kiện toàn tổ CNTT phụ trách các công việc liên quan ứng dụng công nghệ thông tin.

- Căn cứ vào nhiệm vụ trọng tâm năm học 2024-2025, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS năm học 2024-2025 cụ thể, chi tiết, đồng thời nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch đề ra.

- Triển khai việc tự đánh giá mức CDS của các cơ sở giáo dục theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022. Công bố mức độ CDS của các đơn vị trên cổng thông tin của đơn vị và gửi báo cáo trước ngày 15/5/2025.

- Lập dự toán kinh phí mua sắm, nâng cấp, bảo trì các phần mềm hỗ trợ dạy học, trang thiết bị phục vụ ứng dụng CNTT, CDS;

- Cử cán bộ, giáo viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng ứng dụng CNTT, CDS;

- Báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình ứng dụng CNTT, CDS tại đơn vị gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo thời gian trước ngày 10/01 và 5/6 hàng năm.

Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo để các đơn vị, cá nhân liên quan biết và thực hiện./.

### ***Nơi nhận:***

- Các trường MN, TH, TH&THCS, THCS;
- LĐ, CV PGDĐT;
- Lưu: VT, CNTT.

**KT.TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Trần Việt Bắc**

**PHỤ LỤC**  
**MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI**  
**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ**  
**VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025**  
(Kèm theo Công văn số            /PGDDĐT, ngày            /10/2024 của Phòng GDĐT)

1. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
2. Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
3. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;
4. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;
5. Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
6. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";
7. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
8. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025";
9. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030";
10. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030";
11. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;
12. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;



13. Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

14. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;

15. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục;

16. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

17. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

18. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

19. Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhân “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh;

20. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông;

21. Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

22. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

23. Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/05/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục.

24. Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

25. Kế hoạch 227/KH-UBND ngày 21/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.